



BÁO CÁO TOÀN CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA: TỔNG KẾT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VÀ TRIỂN VỌNG

(Tài liệu lưu hành nội bộ)

Quý 3/2025

Contents

BÁO CÁO TOÀN CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA: TỔNG KẾT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VÀ TRIỂN VỌNG

Tóm tắt Lãnh đạo.....	3
Phần 1: Bức tranh Chuyển đổi số Quốc gia: Bối cảnh Chiến lược và Chỉ số Trọng tâm.....	3
1.1. Khung chính sách và Chỉ đạo Điều hành	3
1.2. Các Chỉ số Hiệu suất Chính (KPIs) 9 tháng đầu năm	4
Phần 2: Hiện đại hóa Chính phủ số: Nền tảng, Dịch vụ và Dữ liệu	5
2.1. Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) và Cải cách Thủ tục hành chính (TTHC)	5
2.3. Xây dựng Hạ tầng Dữ liệu Quốc gia: Tiến độ và Thách thức	7
Phần 3: Kinh tế số: Động lực Tăng trưởng Chủ lực	8
3.1. Tác động Kinh tế Vĩ mô và Đóng góp vào GDP	8
3.2. Bùng nổ Thương mại điện tử (TMĐT): Cuộc đua Song mã và Tái định hình Thị trường	8
3.3. Cách mạng Thanh toán không dùng tiền mặt	9
3.4. Chuyển đổi số trong Doanh nghiệp (Tập trung vào SME).....	10
Phần 4: Xây dựng Xã hội số: Hạ tầng, Niềm tin và Kỹ năng.....	10
4.1. Hạ tầng số và Mức độ Tiếp cận.....	11
4.2. Củng cố Niềm tin số: Sự trỗi dậy của Chữ ký số Cá nhân.....	11
Phần 5: Chuyển đổi số theo Ngành và Lĩnh vực Ưu tiên	12
5.1. Y tế: Mệnh lệnh Triển khai Bệnh án điện tử (EMR).....	12
5.2. Giáo dục: Hướng tới Quản lý và Dạy học số.....	13
6.1. Nhận diện các Rào cản Cốt lõi	13
6.2. Định hướng Chính sách và Triển vọng Quý IV/2025	14

BÁO CÁO TOÀN CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA: TỔNG KẾT 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2025 VÀ TRIỂN VỌNG

Tóm tắt Lãnh đạo

Báo cáo này trình bày một phân tích toàn diện và sâu sắc về tiến trình chuyển đổi số của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2025, một giai đoạn ghi nhận những bước tiến vượt bậc song song với các thách thức mang tính hệ thống ngày càng hiện hữu. Bức tranh tổng thể cho thấy một câu chuyện kép: một mặt, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đột phá, đặc biệt trong việc phổ cập định danh điện tử (VNeID), sự bùng nổ của thương mại điện tử và thanh toán không dùng tiền mặt. Những lĩnh vực này đã vượt xa nhiều kỳ vọng, thể hiện sự chấp nhận và thích ứng nhanh chóng của người dân và xã hội. Mặt khác, quá trình chuyển đổi số vẫn đối mặt với những rào cản cố hữu liên quan đến năng lực triển khai, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, và đảm bảo khả năng tiếp cận công bằng trên mọi vùng miền và lĩnh vực.

Phân tích cho thấy, trong khi các trụ cột nền tảng như hạ tầng số và định danh số đang được xây dựng một cách thành công, giai đoạn tiếp theo đòi hỏi một sự chuyển dịch chiến lược mang tính quyết định. Thay vì chỉ tập trung vào phát triển hạ tầng, trọng tâm cần được chuyển sang tích hợp sâu rộng vào các quy trình cốt lõi của chính phủ và doanh nghiệp, nhằm tạo ra giá trị thực chất và bền vững. Báo cáo sẽ đi sâu phân tích các xu hướng này, cung cấp số liệu chi tiết và đưa ra các khuyến nghị chiến lược nhằm tối ưu hóa các cơ hội và giải quyết các điểm nghẽn, hướng tới mục tiêu xây dựng một quốc gia số thịnh vượng và toàn diện.

Phần 1: Bức tranh Chuyển đổi số Quốc gia: Bối cảnh Chiến lược và Chỉ số Trọng tâm

1.1. Khung chính sách và Chỉ đạo Điều hành

Nền tảng cho những bước tiến của Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2025 tiếp tục được củng cố bởi một

khung chính sách nhất quán và sự chỉ đạo quyết liệt từ cấp cao nhất. Trọng tâm của chiến lược quốc gia vẫn là "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, văn bản định hình tầm nhìn và lộ trình tổng thể cho cả ba trụ cột: Chính phủ số, Kinh tế số và Xã hội số. Năm 2025 chứng kiến một động lực mới mạnh mẽ hơn khi các bộ, ngành và địa phương tích cực triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Nghị quyết này không chỉ tái khẳng định tầm quan trọng của chuyển đổi số mà còn nâng nó lên thành một trong những đột phá chiến lược để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia. Sự chỉ đạo này được cụ thể hóa qua các chương trình hành động của Chính phủ, tạo ra một làn sóng triển khai đồng bộ trên toàn hệ thống chính trị. Hoạt động giám sát và điều phối tiếp tục được thực hiện hiệu quả thông qua các phiên họp thường kỳ của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số do Thủ tướng Chính phủ chủ trì. Các phiên họp này, bao gồm cả phiên họp lần thứ 10 tổng kết năm 2024 và đề ra phương hướng cho năm 2025, đóng vai trò then chốt trong việc tháo gỡ các điểm nghẽn, đôn đốc tiến độ và đảm bảo các mục tiêu được thực thi một cách nhất quán. Sự cam kết chính trị ở cấp cao nhất này là yếu tố bảo chứng quan trọng nhất cho sự thành công của công cuộc chuyển đổi số quốc gia.

1.2. Các Chỉ số Hiệu suất Chính (KPIs) 9 tháng đầu năm

Việc đánh giá tiến độ thực hiện các mục tiêu quốc gia cho thấy một bức tranh đa chiều, với những lĩnh vực có sự tăng trưởng vượt bậc và những lĩnh vực cần nỗ lực bứt phá hơn nữa trong quý cuối năm.

Bảng 1: Các Chỉ số Chuyển đổi số Trọng tâm (Tính đến Quý III/2025 so với Mục tiêu 2025)

Hạng mục	Chỉ số	Kết quả 9 tháng đầu năm 2025	Mục tiêu năm 2025	Nguồn
Kinh tế số	Tỷ trọng đóng góp vào GDP	~19% (tính đến hết 6 tháng)	20.5%	
Chính phủ số	Tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến toàn trình	48.84% (tính đến tháng 2)	>50% (mục tiêu địa phương)	
Xã hội số	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số cá nhân	22 triệu chứng thư được cấp (tính đến tháng 8)	50%	

Hạ tầng số	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang	83.3% (tính đến tháng 2)	>80%	
Hạ tầng số	Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh	89.6% (tính đến tháng 2)	80%	

Phân tích các chỉ số trên cho thấy một xu hướng rõ nét: quá trình chuyển đổi số của Việt Nam trong năm 2025 đang diễn ra với "tốc độ không đồng đều". Các nền tảng định danh nền tảng và các dịch vụ hướng tới người tiêu dùng đang có tốc độ phát triển nhanh hơn đáng kể so với quá trình chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ của doanh nghiệp và các hệ thống công phức tạp. Sự bùng nổ của thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và việc áp dụng VNeID cho thấy sự đón nhận nhiệt tình của công chúng đối với sự tiện lợi kỹ thuật số. Ngược lại, việc chuyển đổi trong doanh nghiệp lại vấp phải những rào cản đáng kể về chi phí và thiếu hụt kỹ năng , trong khi các dự án quy mô lớn như cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia hay triển khai bệnh án điện tử trên toàn quốc lại có tiến độ chậm hơn và đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình thực thi. Sự bất đối xứng này cho thấy trong khi "giao diện số" (trải nghiệm của công dân và người tiêu dùng) đang được hiện đại hóa nhanh chóng, thì "phần lõi số" (quy trình vận hành của chính phủ và doanh nghiệp) vẫn đang tụt lại phía sau. Điều này tiềm ẩn nguy cơ tạo ra một điểm nghẽn, nơi kỳ vọng của người dùng, vốn được thúc đẩy bởi những trải nghiệm công nghệ tiêu dùng xuất sắc, sẽ sớm vượt qua năng lực cung ứng dịch vụ hiệu quả của các tổ chức công và tư. Thách thức chiến lược trong giai đoạn tới là thu hẹp khoảng cách này.

Phần 2: Hiện đại hóa Chính phủ số: Nền tảng, Dịch vụ và Dữ liệu

2.1. Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) và Cải cách Thủ tục hành chính (TTHC)

Trong 9 tháng đầu năm, nỗ lực hiện đại hóa nền hành chính công đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, tập trung vào việc nâng cao chất lượng và tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Tính đến đầu năm, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính (TTHC) của cả nước đã đạt 48.84%, trong khi tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ giải quyết TTHC đạt 39.65%. Đây là những con số thể hiện sự chuyển dịch mạnh mẽ từ phương thức truyền thống sang môi trường số.

Cổng Dịch vụ công quốc gia tiếp tục khẳng định vai trò là trung tâm kết nối giữa người dân, doanh nghiệp và chính phủ. Chỉ riêng trong tháng 2/2025, hệ thống đã ghi nhận hơn 8.7 triệu hồ sơ được đồng bộ trạng

thái, hơn 1.4 triệu hồ sơ trực tuyến được thực hiện từ Cổng, và hơn 1.1 triệu giao dịch thanh toán trực tuyến thành công với tổng số tiền lên tới hơn 1,008 tỷ đồng. Những con số này minh chứng cho sự tin tưởng và mức độ sử dụng ngày càng tăng của người dân đối với các nền tảng số của chính phủ.

Song song với việc phát triển công nghệ, Chính phủ đặc biệt chú trọng đến cải cách TTHC một cách toàn diện, coi đây là yếu tố then chốt để cung cấp dịch vụ công hiệu quả. Kế hoạch cải cách TTHC trọng tâm năm 2025 đặt mục tiêu đổi mới toàn diện việc giải quyết TTHC, hướng tới cung cấp dịch vụ không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Nền tảng pháp lý cho nỗ lực này được củng cố vững chắc qua các văn bản quy phạm pháp luật mới, tiêu biểu là Nghị định 118/2025/NĐ-CP, quy định về việc thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hiệu quả của những nỗ lực này được phản ánh qua mức độ hài lòng của người dân. Tại một số địa phương đi đầu như Cần Thơ, chỉ số hài lòng trong việc tiếp nhận và giải quyết TTHC đạt mức rất cao là 93.9%, trở thành một hình mẫu để các địa phương khác học hỏi.

2.2. VNeID - Trục cột của Công dân số và Chính phủ số

Nếu có một điểm sáng nổi bật nhất trong bức tranh chuyển đổi số 9 tháng đầu năm 2025, đó chính là sự phát triển bùng nổ và tác động sâu rộng của ứng dụng định danh điện tử VNeID. VNeID đã nhanh chóng vượt qua vai trò của một ứng dụng định danh đơn thuần để trở thành một "chìa khóa số vạn năng", một nền tảng không thể thiếu trong đời sống số của người dân và hoạt động của chính phủ số.

Thống kê đến giữa năm 2025 cho thấy những con số ấn tượng: đã có hơn 83.5 triệu tài khoản VNeID được đăng ký, trong đó khoảng 60 triệu tài khoản đã được kích hoạt ở mức 2 – mức định danh cao nhất cho phép thực hiện các giao dịch pháp lý quan trọng. Quy mô người dùng khổng lồ này đã biến VNeID thành cổng truy cập chính vào hệ sinh thái dịch vụ công. Tính đến đầu tháng 9, VNeID đã xử lý hơn 2.1 tỷ giao dịch, cung cấp gần 30 triệu lượt đăng nhập vào Cổng Dịch vụ công quốc gia, gần 11 triệu lượt đăng nhập vào ứng dụng VssID của Bảo hiểm xã hội và hơn 2 triệu lượt đăng nhập vào hệ thống eTax của Tổng cục Thuế. Tác động của VNeID không chỉ dừng lại ở sự tiện lợi mà còn mang lại lợi ích kinh tế hữu hình. Ước tính sơ bộ cho thấy, nhờ việc cắt giảm giấy tờ và đơn giản hóa quy trình, VNeID đã giúp tiết kiệm cho ngân sách nhà nước gần 500 tỷ đồng. Trong lĩnh vực an sinh xã hội, hơn 2.5 triệu người dân đã nhận chế độ trợ cấp qua tài khoản, giúp tiết kiệm chi phí đi lại khoảng 51 tỷ đồng. Đáng chú ý, hệ sinh thái VNeID đang được mở rộng mạnh mẽ, không chỉ tích hợp 43 tiện ích thay thế giấy tờ truyền thống mà còn hướng tới việc cung cấp định danh điện tử cho cả tổ chức và doanh nghiệp, một bước đi chiến lược để thúc đẩy các giao dịch giữa doanh nghiệp và chính phủ (B2G) trên môi trường số.

Bảng 2: Hệ sinh thái và Tác động của VNeID (Tính đến tháng 9/2025)

Hạng mục	Số liệu chi tiết	Nguồn
Người dùng	Hơn 83.5 triệu tài khoản đăng ký; ~60 triệu tài khoản kích hoạt mức 2	

Tích hợp Dịch vụ (Lướt đăng nhập)	Cổng DVC Quốc gia: ~30 triệu; VssID (BHXH): ~11 triệu; eTax (Thuế): >2 triệu	
Tích hợp Giấy tờ số	Giấy phép lái xe: ~20 triệu; Đăng ký xe: 7 triệu; Thẻ BHYT/Sổ sức khỏe: 25 triệu	
Tác động Kinh tế	Tiết kiệm cho Nhà nước: ~500 tỷ đồng; Tiết kiệm chi phí đi lại (an sinh): 51 tỷ đồng	
Tích hợp Tài chính	Tài khoản ngân hàng cấp qua VNeID: ~650,000; Ví điện tử cấp qua VNeID: ~70,000	

2.3. Xây dựng Hạ tầng Dữ liệu Quốc gia: Tiến độ và Thách thức

Việc xây dựng các cơ sở dữ liệu (CSDL) quốc gia nền tảng là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của một chính phủ vận hành dựa trên dữ liệu. Trong năm 2025, Chính phủ đã có những chỉ đạo quyết liệt để đẩy nhanh tiến độ các dự án này.

Đối với **CSDL quốc gia về đất đai**, Thủ tướng Chính phủ đã ra chỉ thị yêu cầu Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện CSDL này trong tháng 6/2025 và hoàn thành việc đồng bộ với Trung tâm dữ liệu quốc gia trong tháng 8/2025. Đây là một nhiệm vụ hết sức cấp bách nhằm minh bạch hóa quản lý đất đai và đơn giản hóa các TTHC liên quan. Tuy nhiên, tiến độ thực tế vẫn còn nhiều thách thức. Báo cáo cho thấy mới chỉ có 495 trên tổng số 696 đơn vị cấp huyện (đạt khoảng 71%) hoàn thành CSDL địa chính, cho thấy một khoảng cách đáng kể so với mục tiêu đề ra. Trong lĩnh vực tư pháp, **CSDL công chứng điện tử** cũng được xác định là một ưu tiên. Bộ Tư pháp đã được giao nhiệm vụ phải hoàn thiện và đưa vào vận hành CSDL này ngay trong năm 2025, tạo nền tảng cho việc triển khai Luật Công chứng (sửa đổi) và các hoạt động công chứng trên môi trường điện tử. Đối với **CSDL thống kê quốc gia**, lộ trình được xây dựng theo từng giai đoạn, với mục tiêu đến năm 2025 sẽ hoàn thiện cơ bản hạ tầng công nghệ thông tin và hành lang pháp lý cần thiết để kết nối, chia sẻ dữ liệu từ các bộ, ngành, địa phương. Để đảm bảo luồng dữ liệu được lưu thông suốt giữa các hệ thống, **Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)** tiếp tục đóng vai trò trục xương sống. Hệ thống này đang xử lý trung bình khoảng 3 triệu giao dịch mỗi ngày, cho thấy nhu cầu chia sẻ và kết nối dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước là rất lớn. Sự thành công vượt bậc của VNeID đã tạo ra một "lực kéo" mạnh mẽ, thúc đẩy nhu cầu số hóa các dịch vụ và CSDL khác của chính phủ. Khi hàng chục triệu người dân đã có một định danh điện tử tin cậy, họ kỳ vọng có thể sử dụng nó để thực hiện nhiều giao dịch hơn. Tuy nhiên, tiến độ xây dựng các CSDL quốc gia (như đất đai, công chứng) đang chậm

hơn so với tốc độ phổ cập VNeID. Điều này đang tạo ra một điểm nghẽn lớn nhất, cản trở việc khai thác hết tiềm năng của một chính phủ vận hành dựa trên dữ liệu. VNeID đã giải quyết được bài toán "bạn là ai" trên không gian mạng. Nhưng để cung cấp các dịch vụ có giá trị cao (như sang tên đất đai trực tuyến, đăng ký kinh doanh...), định danh VNeID cần phải kết nối được với các nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Hiện tại, hạ tầng định danh đã vượt trước hạ tầng dữ liệu. Thách thức quan trọng nhất không còn là thuyết phục người dân sử dụng công nghệ, mà là sự đồng bộ hóa dữ liệu liên ngành và hoàn thành các CSDL nền tảng. Nếu không, VNeID sẽ chỉ là một chiếc chìa khóa vạn năng nhưng có quá ít cánh cửa để mở, làm hạn chế hiệu quả đầu tư vào định danh số.

Phần 3: Kinh tế số: Động lực Tăng trưởng Chủ lực

3.1. Tác động Kinh tế Vĩ mô và Đóng góp vào GDP

Kinh tế số tiếp tục khẳng định vai trò là một động lực tăng trưởng quan trọng và bền bỉ của nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh kinh tế vĩ mô chung có nhiều tín hiệu tích cực, với tốc độ tăng trưởng GDP quý II/2025 ước đạt 7.96% , kinh tế số đã có những đóng góp ngày càng rõ nét.

Số liệu thống kê cho thấy, tỷ trọng kinh tế số trên GDP đã đạt khoảng 18.72% trong Quý I/2025 và tiếp tục tăng lên, chiếm gần 19% GDP vào cuối 6 tháng đầu năm. Đà tăng trưởng này cho thấy mục tiêu quốc gia đề ra là kinh tế số chiếm 20.5% GDP cho cả năm 2025 là hoàn toàn khả thi. Sự tăng trưởng này không chỉ đến từ các ngành công nghệ lõi mà còn lan tỏa mạnh mẽ sang các lĩnh vực khác thông qua việc ứng dụng công nghệ số.

3.2. Bùng nổ Thương mại điện tử (TMĐT): Cuộc đua Song mã và Tái định hình Thị trường

Lĩnh vực thương mại điện tử (TMĐT) bán lẻ là một trong những điểm sáng rực rỡ nhất của kinh tế số Việt Nam trong 9 tháng đầu năm, ghi nhận sự tăng trưởng bùng nổ và một cuộc tái cấu trúc thị trường sâu sắc. Tổng doanh số thị trường trong nửa đầu năm 2025 đã đạt 202.3 nghìn tỷ đồng, ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 41.52% so với cùng kỳ năm trước. Điểm nhấn đáng chú ý nhất là sự thay đổi căn bản trong cục diện cạnh tranh, chuyển từ mô hình đa nền tảng sang cuộc đua "song mã" gần như tuyệt đối giữa Shopee và TikTok Shop.

- **TikTok Shop** đã có một cú bứt tốc ngoạn mục với mức tăng trưởng doanh số lên tới 68.64%. Sự tăng trưởng thần tốc này đã giúp nền tảng này nâng thị phần từ 29% (nửa đầu năm 2024) lên 39% chỉ trong 6 tháng đầu năm 2025, khẳng định vị thế là đối trọng thực sự của Shopee.
- **Shopee** vẫn duy trì vị trí dẫn đầu với 58% thị phần. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng doanh số của Shopee

- đã chậm lại đáng kể, chỉ đạt 16.12%, và thị phần đã bị thu hẹp từ mức 63% của cùng kỳ năm trước.
- Sự trỗi dậy của TikTok Shop và sự thống trị của Shopee đã tạo ra một áp lực khổng lồ lên các nền tảng khác. **Lazada** và **Tiki** đối mặt với nhiều thách thức khi doanh số sụt giảm lần lượt là 48% và 63% so với cùng kỳ.

Kết quả là, Shopee và TikTok Shop hiện đang chiếm lĩnh tới 97% thị phần TMDT bán lẻ tại Việt Nam. Sự thay đổi này phản ánh một xu hướng tiêu dùng mới, nơi yếu tố "shoppertainment" (mua sắm kết hợp giải trí) và các phiên bán hàng trực tiếp (livestream) trở thành động lực chính thúc đẩy doanh số, đặc biệt trên nền tảng TikTok.

Bảng 3: Thị phần và Tăng trưởng các Sàn TMDT (Nửa đầu năm 2025)

Nền tảng	Thị phần (Nửa đầu 2025)	Thị phần (Nửa đầu 2024)	Tăng trưởng Doanh số (so với cùng kỳ)	Nguồn
Shopee	58%	63%	+16.12%	
TikTok Shop	39%	29%	+68.64%	
Lazada	(N/A)	(N/A)	-48%	
Tiki	(N/A)	(N/A)	-63%	

3.3. Cách mạng Thanh toán không dùng tiền mặt

Lĩnh vực thanh toán số tiếp tục có một năm tăng trưởng phi mã, trở thành một thói quen tiêu dùng phổ biến và là nền tảng quan trọng cho sự phát triển của kinh tế số.

Số liệu từ Ngân hàng Nhà nước cho thấy, chỉ trong 6 tháng đầu năm 2025, người dân Việt Nam đã thực hiện 11.3 tỷ giao dịch không dùng tiền mặt với tổng giá trị đạt trên 169 triệu tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2024, các con số này thể hiện mức tăng trưởng đáng kinh ngạc: tăng 45.43% về số lượng và 25.52% về giá trị. Chỉ riêng trong Quý I, đã có 5.5 tỷ giao dịch được thực hiện. Để hình dung quy mô của cuộc cách mạng này, tổng giá trị thanh toán không dùng tiền mặt trong cả năm 2024 đã đạt trên 295.2 triệu tỷ đồng, gấp khoảng 25-26 lần GDP của cả nước. Yếu tố nền tảng cho sự bùng nổ này là việc phổ cập dịch vụ tài chính. Tính đến cuối năm 2024, tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản tại ngân hàng đã đạt gần 87% , tạo ra một cơ sở hạ tầng vững chắc cho các giao dịch số.

3.4. Chuyển đổi số trong Doanh nghiệp (Tập trung vào SME)

Trong khi các lĩnh vực hướng tới người tiêu dùng (B2C) đạt được những thành tựu rực rỡ, quá trình chuyển đổi số trong khối doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), vẫn còn nhiều thách thức và diễn ra chậm hơn.

Chính phủ đã nhận diện rõ tầm quan trọng của việc thúc đẩy chuyển đổi số trong doanh nghiệp và đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ. Chương trình "Hỗ trợ Doanh nghiệp Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025" của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là một trong những nỗ lực nòng cốt. Trong năm 2025, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng được giao nhiệm vụ xây dựng các đề án chuyên biệt để hỗ trợ khối SME, hợp tác xã và hộ kinh doanh, với các hạn chót cụ thể vào tháng 9 và tháng 12. Tuy nhiên, các chính sách thúc đẩy này đang vấp phải những rào cản lớn từ thực tế. Các doanh nghiệp SME đối mặt với bốn thách thức chính:

- (1) **Hạn chế về nguồn tài chính** để đầu tư cho công nghệ và thay đổi quy trình;
- (2) **Khó khăn trong việc thay đổi văn hóa tổ chức** và thói quen làm việc cố hữu;
- (3) **Thiếu hụt nhận thức và năng lực triển khai**, đặc biệt là nguồn nhân lực có kỹ năng số; và
- (4) **Hạn chế về thông tin** để lựa chọn các giải pháp công nghệ phù hợp.

Các chuyên gia cũng nhấn mạnh rằng để thành công, doanh nghiệp cần hướng tới một "chuyển đổi kép", kết hợp giữa chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả và chuyển đổi xanh để đáp ứng các tiêu chuẩn bền vững toàn cầu. Sự tăng trưởng của kinh tế số hiện nay chủ yếu được thúc đẩy bởi các nền tảng B2C (thương mại điện tử, thanh toán), trong khi phân khúc B2B và hiệu quả vận hành doanh nghiệp vẫn chưa được phát triển tương xứng. Điều này tạo ra một sự mất cân đối về cấu trúc trong nền kinh tế số. Dữ liệu cho thấy sự tăng trưởng không lồ, có thể định lượng được trong TMDT và thanh toán số tiêu dùng.

Đồng thời, các báo cáo về chuyển đổi số SME lại nêu bật những thách thức và rào cản, với các chương trình hỗ trợ của chính phủ vẫn đang trong giai đoạn xây dựng và triển khai. Điều này cho thấy trong khi người tiêu dùng Việt Nam đã số hóa, nhiều doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa thực sự làm được điều đó trong các hoạt động cốt lõi của mình. Họ có thể đang *bán hàng* trên nền tảng số, nhưng chưa *vận hành* như một doanh nghiệp số. Do đó, cấu trúc hiện tại của kinh tế số Việt Nam đang nghiêng nhiều về phía tiêu dùng và các nền tảng trung gian hơn là sản xuất và hiệu quả vận hành. Làn sóng tăng trưởng và năng suất tiếp theo phải đến từ việc chuyển đổi số các quy trình kinh doanh cốt lõi trong khối SME. Nếu không, kinh tế số có nguy cơ trở thành một lớp vỏ lớn nhưng mỏng trên đỉnh một nền kinh tế truyền thống, thay vì là một động lực cho sự chuyển đổi sâu sắc và toàn diện.

Phần 4: Xây dựng Xã hội số: Hạ tầng, Niềm tin và Kỹ năng

4.1. Hạ tầng số và Mức độ Tiếp cận

Nền tảng hạ tầng số của Việt Nam tiếp tục được củng cố và mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng xã hội số. Theo thống kê đầu năm 2025, Việt Nam có 79.8 triệu người sử dụng Internet, đạt tỷ lệ thâm nhập 78.8% dân số. Cùng với đó, có 76.2 triệu người dùng mạng xã hội, tương đương 75.2% dân số. Các chỉ số về hạ tầng truy cập cũng rất khả quan. Tỷ lệ thuê bao di động sử dụng điện thoại thông minh đạt mức rất cao là 89.6%, trong khi tỷ lệ hộ gia đình sử dụng cáp quang đạt 83.3%. Chất lượng kết nối cũng được đảm bảo với tốc độ truy cập ấn tượng: tốc độ trung vị của mạng di động đạt 75.72 Mbps và mạng băng rộng cố định đạt 153.99 Mbps. Tuy nhiên, dù các chỉ số tổng thể rất tích cực, vẫn còn tồn tại một "khoảng cách số". Báo cáo đầu năm cho thấy vẫn còn khoảng 21.5 triệu người dân chưa sử dụng Internet, chiếm 21.2% tổng dân số. Việc thu hẹp khoảng cách này, đặc biệt ở các vùng sâu, vùng xa, vẫn là một nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn tới.

4.2. Củng cố Niềm tin số: Sự trỗi dậy của Chữ ký số Cá nhân

Niềm tin là yếu tố sống còn cho sự phát triển của xã hội số. Trong năm 2025, Việt Nam đã chứng kiến một bước đột phá trong việc xây dựng nền tảng cho niềm tin số, đó là sự bùng nổ của chữ ký số cá nhân.

Tốc độ tăng trưởng của chữ ký số cá nhân đạt mức kỷ lục. Chỉ trong 8 tháng đầu năm, số lượng chứng thư chữ ký số cá nhân được cấp đã tăng vọt lên 22 triệu, cao gấp đôi so với con số khoảng 11 triệu của cả giai đoạn trước đó cộng lại (tính đến hết năm 2024). Đây là một tốc độ phát triển chưa từng có, cho thấy nhu cầu và sự sẵn sàng của người dân trong việc sử dụng các công cụ xác thực an toàn trên môi trường số.

Sự phổ cập nhanh chóng này có ý nghĩa chiến lược. Chữ ký số cá nhân, với giá trị pháp lý tương đương chữ ký tay, là công cụ nền tảng để triển khai các giao dịch điện tử có giá trị cao, đặc biệt trong bối cảnh Luật Công chứng (sửa đổi) và Luật Giao dịch điện tử 2023 có hiệu lực, mở đường cho hoạt động công chứng điện tử. Chính phủ và Bộ Khoa học và Công nghệ đã đặt ra mục tiêu đầy tham vọng là đến cuối năm 2025, 50% dân số trưởng thành sẽ sở hữu chữ ký số cá nhân, và tầm nhìn dài hạn là phổ cập 100% cho toàn dân. Sự phát triển song song và quy mô lớn của Định danh số (VNeID) và Niềm tin số (Chữ ký số cá nhân) đang tạo ra một nền tảng cộng hưởng mạnh mẽ cho một xã hội số có giá trị cao, vượt ra ngoài việc sử dụng Internet và mạng xã hội cơ bản. Việt Nam đã giải quyết được vấn đề kết nối cơ bản. Giai đoạn tiếp theo của một xã hội số đòi hỏi hai yếu tố:

(A) xác thực chắc chắn danh tính của một người trên mạng và

(B) khả năng thực hiện các thỏa thuận có giá trị pháp lý và an toàn trên mạng.

Dữ liệu cho thấy VNeID đang giải quyết vấn đề (A) ở quy mô rất lớn, trong khi việc triển khai chữ ký số cá nhân đang giải quyết vấn đề (B) với tốc độ đáng kinh ngạc. Sự kết hợp của hai trụ cột này không phải là

ngẫu nhiên, mà là một bước đi chiến lược. Nó tạo ra hạ tầng cần thiết để chuyển các giao dịch quan trọng lên môi trường trực tuyến: ký kết hợp đồng, công chứng tài liệu, thực hiện giao dịch ngân hàng an toàn và truy cập các dịch vụ nhạy cảm của chính phủ. Điều này đưa xã hội số của Việt Nam từ giai đoạn "xã hội và giải trí" sang giai đoạn "giao dịch và ràng buộc pháp lý", một yếu tố thiết yếu cho sự tăng trưởng của một nền kinh tế số và chính phủ số tinh vi.

Phần 5: Chuyển đổi số theo Ngành và Lĩnh vực Ưu tiên

5.1. Y tế: Mệnh lệnh Triển khai Bệnh án điện tử (EMR)

Ngành y tế đang đứng trước một cuộc cách mạng thực sự với "mệnh lệnh" từ Chính phủ và Bộ Y tế: tất cả các bệnh viện trên toàn quốc phải hoàn tất việc triển khai bệnh án điện tử (EMR), thay thế hoàn toàn bệnh án giấy, trước cuối tháng 9/2025. Đây là một bước đi quyết định nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tối ưu hóa nguồn lực và hướng tới một hệ thống y tế minh bạch, hiện đại.

Báo cáo tiến độ tính đến cuối tháng 9 cho thấy một nỗ lực rất lớn trên toàn ngành, nhưng cũng bộc lộ sự không đồng đều. Trên cả nước, đã có 630 cơ sở y tế triển khai thành công bệnh án điện tử, không còn sử dụng bệnh án giấy. Tuy nhiên, nếu xét chi tiết hơn:

- Khối bệnh viện công tuyến tỉnh hạng 1, mới có 84 trên tổng số 125 bệnh viện triển khai, đạt tỷ lệ khoảng 70%.
- Ngược lại, khối y tế thuộc Bộ Quốc phòng đã thể hiện sự quyết tâm cao khi hoàn thành 100% việc triển khai tại 31 bệnh viện trực thuộc.
- Khối y tế thuộc Bộ Công an cũng đạt được tiến độ tốt với 66% bệnh viện đã hoàn tất.
- Hệ thống y tế tư nhân cũng đang tích cực tham gia với 140 trên tổng số 399 bệnh viện đã triển khai.

Mặc dù có sự quyết tâm cao, việc hoàn thành mục tiêu đúng hạn trên toàn quốc đang đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm các vấn đề về phần mềm, quy trình hành chính và sự chậm trễ trong công tác đầu thầu mua sắm trang thiết bị. Tầm nhìn dài hạn của nỗ lực này là xây dựng một hệ sinh thái dữ liệu y tế liên thông, kết nối từ bệnh án điện tử đến định danh công dân và thanh toán bảo hiểm y tế, qua đó hỗ trợ chẩn đoán chính xác hơn, hợp lý hóa quy trình và ngăn chặn các hành vi gian lận, trục lợi.

Bảng 4: Tiến độ Triển khai Bệnh án điện tử (EMR) (Tính đến tháng 9/2025)

Hệ thống/Tuyến Y tế	Tỷ lệ/Số lượng đã triển khai	Ghi chú	Nguồn
---------------------	------------------------------	---------	-------

Toàn quốc	630 cơ sở y tế đã sử dụng BÀĐT	Một số địa phương như Vĩnh Long, Nghệ An đã đạt 100%	
BV Công tuyến tỉnh (Hạng 1)	~70% (84/125 bệnh viện)	Còn một số bệnh viện gặp khó khăn	
Y tế Bộ Quốc phòng	100% (31/31 bệnh viện)	Hoàn thành mục tiêu	
Y tế Bộ Công an	66%	Đang nỗ lực hoàn thành đúng tiến độ	
Y tế Tư nhân	140/399 bệnh viện	Đang quyết tâm thực hiện theo lộ trình	

5.2. Giáo dục: Hướng tới Quản lý và Dạy học số

Giáo dục và đào tạo được xác định là một trong những lĩnh vực ưu tiên hàng đầu trong chương trình chuyển đổi số quốc gia, với mục tiêu xây dựng một môi trường học tập hiện đại, linh hoạt và công bằng, đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số. Trong năm 2025, ngành giáo dục tập trung thực hiện hiệu quả Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT). Một trong những mục tiêu cụ thể là đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến đối với 100% các thủ tục hành chính mà Bộ thực hiện.

Việc ứng dụng CSDL ngành cũng được đẩy mạnh trong công tác quản lý, ví dụ như việc rà soát, cập nhật CSDL về khu vực ưu tiên và thông tin học sinh để phục vụ công tác thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học, cao đẳng. Đối với giáo dục nghề nghiệp, các mục tiêu cũng được đặt ra rất rõ ràng theo Quyết định 2222/QĐ-TTg, phân đầu đến năm 2025, ít nhất 50% các trường chất lượng cao sẽ trở thành "trường học số". Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi số ở cấp cơ sở giáo dục vẫn còn nhiều khác biệt. Các báo cáo tự đánh giá từ một số trường học cho thấy mức độ trưởng thành số không đồng đều. Có những trường đã đạt "mức độ 2 - đáp ứng cơ bản" trong cả hai tiêu chí về chuyển đổi số trong dạy, học và trong quản trị nhà trường. Ngược lại, cũng có những đơn vị vẫn đang ở "mức độ 1 - chưa đáp ứng" trong hoạt động dạy và học, cho thấy một khoảng cách lớn về năng lực và nguồn lực triển khai giữa các cơ sở giáo dục. Phần 6: Phân tích Thách thức, Triện vọng và Khuyến nghị Chiến lược

6.1. Nhận diện các Rào cản Cốt lõi

Bất chấp những thành tựu ấn tượng, quá trình chuyển đổi số của Việt Nam vẫn phải đối mặt với những thách thức mang tính hệ thống, đòi hỏi các giải pháp đồng bộ và dài hạn.

- **Yếu tố Con người:** Đây được xác định là rào cản lớn nhất. Khó khăn không chỉ nằm ở việc thay đổi thói quen của người dân và doanh nghiệp mà còn ở việc thay đổi tư duy và phương thức làm việc trong chính các cơ quan nhà nước. Thách thức này càng trở nên phức tạp hơn do tình trạng thiếu hụt nhân tài và khoảng cách về kỹ năng số. Nhu cầu về các kỹ năng chuyên sâu như trí tuệ nhân tạo, an ninh mạng vượt xa nguồn cung, gây khó khăn cho cả việc tuyển dụng và giữ chân nhân tài.
- **Hạn chế về Tài chính:** Chi phí đầu tư ban đầu cho các dự án chuyển đổi số là rất lớn, bao gồm chi phí công nghệ, hạ tầng, đào tạo và thay đổi quy trình. Đây là một rào cản đặc biệt lớn đối với các doanh nghiệp SME, những đơn vị thường có năng lực tài chính hạn chế và chưa nhìn thấy rõ lợi tức đầu tư (ROI) trong tương lai.
- **Sức ì và Văn hóa Tổ chức:** Chuyển đổi số đòi hỏi phải tái cấu trúc các quy trình hoạt động, phá vỡ các "tư duy silo" giữa các phòng ban và xây dựng một văn hóa làm việc cởi mở, linh hoạt. Điều này thường vấp phải sự phản kháng, dù là vô tình hay hữu ý, từ cả nhân viên và cấp quản lý vốn đã quen với lối làm việc cũ.
- **Thách thức về Kỹ thuật và An ninh:** Việc tích hợp các công nghệ mới với các hệ thống cũ (legacy systems) thường rất phức tạp, tốn kém và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Song song với đó, việc đảm bảo an toàn, an ninh dữ liệu và quyền riêng tư trong một môi trường ngày càng kết nối là một cuộc chiến không ngừng nghỉ và đòi hỏi sự đầu tư lớn cả về công nghệ và con người.

6.2. Định hướng Chính sách và Triển vọng Quý IV/2025

Trong những tháng cuối năm, định hướng chỉ đạo của Chính phủ sẽ tiếp tục tập trung vào việc tháo gỡ các điểm nghẽn và đẩy nhanh tiến độ các nhiệm vụ trọng tâm.

Trọng tâm hàng đầu là tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án 06 về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử, coi đây là nhiệm vụ hạt nhân để thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia. Chỉ thị số 07/CT-TTg đã vạch ra những nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành, địa phương trong năm 2025 và những năm tiếp theo để hiện thực hóa các mục tiêu của Đề án 06. Bên cạnh đó, Chính phủ sẽ tiếp tục đôn đốc các bộ, ngành, địa phương khẩn trương xây dựng và hoàn thiện các đề án, kế hoạch chuyển đổi số của riêng mình, đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp với chiến lược chung của quốc gia. Việc hoàn thiện hành lang pháp lý, đặc biệt là các quy định liên quan đến cải cách TTHC, giao dịch điện tử và bảo vệ dữ liệu, cũng sẽ là một ưu tiên để tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động số phát triển.

Dựa trên những phân tích về thành tựu và thách thức trong 9 tháng đầu năm, một số khuyến nghị chiến lược được đề xuất nhằm tối ưu hóa hiệu quả của công cuộc chuyển đổi số trong giai đoạn tới:

- **Đối với Chính phủ:**
 1. **Chuyển trọng tâm từ Hạ tầng sang Tích hợp:** Cần chuyển dịch ưu tiên từ việc triển khai các nền tảng và hạ tầng sang thúc đẩy việc tích hợp sâu rộng các nền tảng này vào quy trình nghiệp vụ, khai thác và sử dụng dữ liệu để tạo ra các dịch vụ công thông minh và cá nhân hóa.
 2. **Đầu tư vào Nguồn nhân lực:** Triển khai các chương trình đào tạo kỹ năng số và nâng cao nhận

thức số quy mô lớn, có mục tiêu rõ ràng, không chỉ cho công chức mà còn cho người dân và người lao động trong doanh nghiệp.

3. **Hỗ trợ SME thực chất:** Xây dựng các cơ chế hỗ trợ tài chính và kỹ thuật hiệu quả hơn, đặc biệt nhằm vào việc chuyển đổi quy trình vận hành cốt lõi của SME, thay vì chỉ tập trung vào việc đưa sản phẩm lên các sàn TMĐT.
 4. **Ưu tiên hoàn thành CSDL quốc gia:** Tập trung mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành và kết nối các CSDL quốc gia nền tảng (đất đai, dân cư, doanh nghiệp...), coi đây là điều kiện tiên quyết để khai thác giá trị của VNeID và xây dựng chính phủ số.
- **Đối với Doanh nghiệp:**
 1. **Vai trò của Lãnh đạo:** Lãnh đạo doanh nghiệp phải là người tiên phong, dẫn dắt và truyền cảm hứng cho văn hóa đổi mới, sẵn sàng chấp nhận rủi ro và đầu tư dài hạn cho con người và công nghệ.
 2. **Tiếp cận theo từng giai đoạn:** Áp dụng phương pháp chuyển đổi số theo từng giai đoạn, bắt đầu từ những dự án nhỏ có ROI rõ ràng để tạo động lực, sau đó nhân rộng ra toàn tổ chức.
 3. **Hợp tác và Mở rộng Mạng lưới:** Tích cực hợp tác với các doanh nghiệp công nghệ, các viện nghiên cứu và hiệp hội ngành nghề để khắc phục hạn chế về nguồn lực và tiếp cận các giải pháp tiên tiến.
 4. **Theo đuổi "Chuyển đổi kép":** Lồng ghép các mục tiêu chuyển đổi xanh vào chiến lược chuyển đổi số, coi đây là lợi thế cạnh tranh bền vững trong bối cảnh các tiêu chuẩn toàn cầu ngày càng khắt khe.